

TỈNH ỦY CAO BẰNG
TRƯỜNG CT HOÀNG ĐÌNH GIONG

*

ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM

Cao Bằng, ngày 24 tháng 8 năm 2026

ĐIỂM THI

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 35

Môn: Phần F.I - Nghiên cứu thực tế

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
1	Hoàng Kim Anh	8,50	Tám phẩy năm	32	Lưu Toàn Nghĩa	8,50	Tám phẩy năm
2	Lục Trường Anh	9,00	Chín	33	Nguyễn Bích Ngọc	8,50	Tám phẩy năm
3	Mã Ly Băng	8,50	Tám phẩy năm	34	Nông Thị Nhẫn	8,50	Tám phẩy năm
4	Trần Đức Chính	9,00	Chín	35	Đinh Thị Nhiệm	8,50	Tám phẩy năm
5	Vũ Mạnh Cường	9,00	Chín	36	Bế Hồng Nhung	9,00	Chín
6	Vũ Văn Cường	9,00	Chín	37	Riêu Thị Phương	9,00	Chín
7	Hoàng Thị Dí	8,50	Tám phẩy năm	38	Mã Thị Sửu	8,50	Tám phẩy năm
8	Nông Thị Bạch Diệp	8,50	Tám phẩy năm	39	Hà Văn Tân	8,50	Tám phẩy năm
9	Hoàng Thu Diệu	9,00	Chín	40	Phạm Minh Tân	9,00	Chín
10	Bế Kim Dung	8,75	Tám phẩy bảy năm	41	Triệu Văn Thái	8,50	Tám phẩy năm
11	Nguyễn Xuân Dũng	9,00	Chín	42	Ngô Duy Thanh	9,00	Chín
12	Dương Thị Duyên	8,50	Tám phẩy năm	43	Hoàng Thị Phương Thảo	9,00	Chín
13	Nông Thị Diệp	8,50	Tám phẩy năm	44	Tô Thị Hồng Thắm	8,50	Tám phẩy năm
14	Đàm Minh Đức	9,00	Chín	45	Nguyễn Văn Thắng	9,00	Chín
15	Nông Thị Hà	8,50	Tám phẩy năm	46	Triệu Thị Thu	8,50	Tám phẩy năm
16	Nông Thị Thu Hải	8,50	Tám phẩy năm	47	Nông Thu Thùy	8,50	Tám phẩy năm
17	Mã Thị Hằng	8,50	Tám phẩy năm	48	Mã Thị Nông Thương	8,50	Tám phẩy năm
18	Triệu Hồng Hiền	9,00	Chín	49	Nguyễn Ngọc Thương	8,50	Tám phẩy năm
19	Nông Trung Hiếu	9,00	Chín	50	Bế Việt Tiến	8,50	Tám phẩy năm
20	Lý Mai Hoa	8,50	Tám phẩy năm	51	Nông Thị Minh Trâm	9,00	Chín
21	Lưu Thị Hoa	8,50	Tám phẩy năm	52	Đàm Trung Trực	8,75	Tám phẩy bảy năm
22	Lục Thị Hoa	8,50	Tám phẩy năm	53	Phạm Ngọc Tuấn	8,50	Tám phẩy năm

ĐHB

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
23	Nguyễn Thị Hương	9,00	Chín	54	Nông Thanh Tùng	8,75	Tám phẩy bảy năm
24	Sầm Ngọc Khiêm	9,00	Chín	55	Nông Thị Kim Tuyết	8,50	Tám phẩy năm
25	La Văn Khoa	9,00	Chín	56	Lý Thị Viên	8,50	Tám phẩy năm
26	Nguyễn Trung Kiên	9,00	Chín	57	Đàm Quang Vũ	8,50	Tám phẩy năm
27	Đoàn Thị Lam	9,00	Chín	58	Nông Công Vũ	8,50	Tám phẩy năm
28	Nguyễn Thạch Lâm	9,00	Chín	59	Nông Đức Vui	8,50	Tám phẩy năm
29	Đàm Hoàng Diệu Linh	8,50	Tám phẩy năm	60	Nguyễn Tô Giang	9,00	Chín
30	Hoàng Trường Long	8,50	Tám phẩy năm	61	Nguyễn Trường Giang	9,00	Chín
31	La Văn Nam	9,00	Chín				

GHI ĐIỂM

**PHÒNG QLĐT, BD VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**

**K/T HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Đoàn Thị Kim Liên



Trương Thị Phương



Hoàng Việt Hưng